

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2017/DS-ST
Ngày 21 – 11 – 2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Tâm

Bà Trần Thị Cúc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Vân – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 323/2017/TLST- DS, ngày 25 tháng 8 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:779/2017/QĐXX-ST ngày 11 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Thân Văn T – sinh năm: 1966 (có mặt)

Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Bà Trần Thị Phương M – sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường A, khóm B, phường C, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Thân Văn T trình bày:

Trước đây bà Trần Thị Phương M có vay của ông số tiền 110.000.000 đồng, trong thời gian vay bà M có trả được hai lần với số là 30.000.000 đồng nên ngày 08/9/2013, bà M viết lại biên nhận có vay của ông số tiền 80.000.000 đồng, lãi xuất thỏa thuận 2.400.000 đồng/tháng. Nhưng từ khi vay đến nay bà M không đóng lãi cũng không thanh toán vốn cho ông. Nay ông yêu cầu bà M thanh toán cho ông tổng số tiền vốn gốc là 80.000.000 đồng và lãi 2.400.000 đồng x 47 tháng = 112.800.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay ông T chỉ yêu cầu bà M thanh toán cho ông số tiền vốn vay là 80.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Sau khi nghe ý kiến trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Ngày 08/9/2013 ông T có cho bà M vay số tiền 80.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất 3%, việc vay có viết biên nhận là thực tế có xảy ra.

[2] Nguyên đơn trình bày trong khoảng thời gian vay tiền đến nay bị đơn không thanh toán bất kỳ khoản lãi nào cho nguyên đơn. Riêng bị đơn không có văn bản hay ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Xét thấy, việc vay tiền giữa bị đơn đối với nguyên đơn là có biên nhận nhưng không thể hiện có việc trả lãi. Tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán lại tiền vốn là 80.000.000 đồng. Xét yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện nên chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bà Trần Thị Phương M có nghĩa vụ thanh toán cho ông Thân Văn T số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày ông Thân Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị Phương M không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Buộc bà Trần Thị Phương M phải nộp số tiền 4.000.000đ (chưa nộp), nộp tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau. Ông Thân Văn T không phải chịu án phí, ngày 25/8/2017, ông T có dự nộp 4.820.000 đồng (theo lai thu số 0003588) được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bà M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Vks nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã Ký

Đinh Cẩm Đào

